

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2019

“Về việc ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**.

2- Ông **Lâm Tấn Đạt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M Thượng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U M Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L**, sinh năm 1979 (Có mặt).

HKTT: Ấp A, xã T, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh **Võ Văn M**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn M cưới nhau vào năm 1998, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng đến năm 2002 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A (nay là huyện U M Thượng), tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường hay cự cãi với nhau, có đôi lúc anh M còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị L. Đời sống hôn nhân không có hạnh phúc nên từ tháng 03/2011 vợ chồng chị đã ly thân cho đến nay. Chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con tên Võ Chí N, sinh năm 1998 đã trưởng thành; Võ Thị Trúc L, sinh ngày 28/9/2001 hiện đang sống cùng với chị, cháu Ly có nguyện vọng theo chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn M Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trương Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và anh Võ Văn M vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị L xử cho chị L và anh Võ Văn M được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận ý kiến của chị L và nguyện vọng của cháu Ly, giao Võ Thị Trúc L, sinh ngày 28/9/ 2001 cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản và phần nợ chung: Chị L trình bày không có, nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Võ Văn M được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn M.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Võ Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A (nay là huyện U M T), tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên do quá trình cất giữ không cẩn thận nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nhưng đã được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên xác nhận có đăng ký kết hôn tại xã năm 2002, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 20/3/2019 do vậy hôn nhân giữa chị L và anh M là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, theo chị L trình bày thì sau thời gian vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2006 thì vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi với nhau và từ đó hạnh phúc gia đình không còn nữa, bản thân anh M đã có hành vi bạo lực gia đình với chị L, không chăm lo làm ăn để xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 3/2011 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo cho anh M biết việc chị L yêu cầu xin ly hôn với anh M nhưng anh M không có ý kiến gì cũng như không đến tham gia giải quyết vụ án để thể hiện ý kiến là còn thương vợ con mình cũng như là hàn gắn tình cảm với nhau để vợ chồng đoàn tụ chung sống.

Qua biên bản xác M tại địa phương cho thấy rằng tình cảm vợ chồng của chị L và anh M có xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho chị Trương Thị L và anh Võ Văn M ly hôn với nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 02 đứa con tên Võ Chí N, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với Võ Thị Trúc L, sinh ngày 29/8/2001 hiện con đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị tôn trọng nguyện vọng của con, nếu con theo chị thì chị nuôi, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung tên Võ Thị Chúc Ly có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị L khi vợ chồng ly hôn với nhau, do đó HĐXX nghĩ nên cần giao con chung

tên Võ Thị Trúc L cho chị Ltiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ly và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị L không yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu xem xét giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn M cũng không có ý kiến về việc này nên HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của bà L và không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị L phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0000856, ngày 24/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị L và anh Võ Văn M được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao Võ Thị Trúc L, sinh ngày 28/9/2001 cho chị Trương Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị L và anh M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Buộc chị Trương Thị L phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0000856 ngày

29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Trương Thị L có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2019). Đối với anh Võ Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Thạnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh